TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 93/2026/HNGĐ-ST Ngày 28 - 8 - 2026 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Long.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chung; ông Nguyễn Văn Phúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy – Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La *tham gia phiên tòa*: Ông Sộng Nỏ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 165/2026/TLST – HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lò Thị T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Bản Nà C, xã Mường H, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lường Văn L, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Bản Nà C, xã Mường H, tỉnh Sơn La. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, Cục C10, Bộ Công an (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Tôi và anh Lường Văn L đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại UBND xã Mường H, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La vào ngày 18/8/2022 (nay là UBND xã Mường H, tỉnh Sơn La). Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau tại bản Nà C, xã Mường H, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là bản Nà C, xã Mường H, tỉnh Sơn La). Hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi người một tính cách khác nhau, không cùng chí hướng, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh L liên quan đến chất ma

túy và phải đi chấp hành án với thời gian 20 năm tại Trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nH không có kết quả. Tôi và anh L đã sống ly thân với nhau được một thời gian và không còn ai quan tâm tới cuộc sống của nhau.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3- Sơn La giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lường Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là cháu Lường Huyền Tr, sinh ngày 28/11/2018, cháu Lường Thị Huyền H, sinh ngày 20/8/2022 và cháu Lường Minh T, sinh 17/12/2023. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 3 con cH đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Lường Văn L trình bày:

Anh và chị Lò Thị T kết hôn với nhau năm 2022 và sinh sống tại bản Nà C, xã Mường H, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên do tôi vi phạm pháp luật và đang phải chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh, Ninh Bình. Nay chị T yêu cầu được ly hôn thì anh L nhất trí ly hôn, vì tình cảm không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lường Huyền Tr, sinh ngày 28/11/2018, cháu Lường Thị Huyền H, sinh ngày 20/8/2022 và cháu Lường Minh T, sinh 17/12/2023. Khi ly hôn, anh L đồng để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con cH, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật và các thủ tục. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 228, 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị T đối với anh Lường Văn L. Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lường Văn L.

- Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Lường Huyền Tr, sinh ngày 28/11/2018, cháu Lường Thị Huyền H, sinh ngày 20/8/2022 và cháu Lường Minh T, sinh 17/12/2023 cho chị Lò Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Lường Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều khai không có tài sản cH, nên đề nghị không giải quyết.

- Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào bản khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Lường Văn L nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Điều 28 bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn Lường Văn L cư trú tại Bản Nà C, xã Mường H, tỉnh Sơn La do vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 – Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nH đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lường Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường H, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Nay là UBND xã Mường H, tỉnh Sơn La). Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống chị T và anh L sống không hạnh phúc, trong cuộc sống luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, anh L vi phạm pháp luật về ma túy đang phải chấp hành án, vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lường Văn L có bản tự khai gửi cho Tòa án, anh L đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T. Do anh Lường Văn L hiện nay đang chấp hành án phạt tù nên có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ vào tình trạng hôn nhân hiện nay, nguyện vọng ly hôn của chị T, ý kiến của anh L, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh L là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lường Văn L thừa nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Lường Huyền Tr, sinh ngày 28/11/2018, cháu Lường Thị Huyền H, sinh ngày 20/8/2022 và cháu Lường Minh T, sinh 17/12/2023. Chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu

anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng. Anh L đang phải chấp hành án, nên đồng ý giao 03 con cH cho chị T nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo mọi quyền lợi cho con cH, cần chấp nhận yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con cH đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin được miễn án phí được Tòa án chấp nhận, nên được miễn án phí theo quy định cH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị T đối với anh Lường Văn L.

Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lường Văn L.

2. Về con chung: Giao các con chung là Lường Huyền Tr, sinh ngày 28/11/2018; Lường Thị Huyền H, sinh ngày 20/8/2022 và Lường Minh T, sinh 17/12/2023 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lường Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lò Thị T. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

4.Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La (02);
- Các đương sự;
- UBND xã Mường H;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Sơn La;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

Lô Văn Long